TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc S
2. Ông Trần Văn Th

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H - sinh năm 1981
Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B. (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Lê Sỹ T - sinh năm 1974
Nơi ĐKHK: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc G.
Nơi ở hiện nay: Công ty TNHH Huy Ph
Địa chỉ: 51C/1KP.1A, phường A, thị xã Th, tỉnh B (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh T, vợ chồng ở chung cùng gia đình, đến năm 2005 vợ chồng chị ra ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Đến tháng 10 năm 2016, anh T bỏ đi miền nam làm ăn và không về, từ đó đến nay anh chị sống ly thân mà không quan tâm nhau

nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: anh chị có hai con chung là Lê Ngọc U - sinh ngày 11/7/2005 và Lê Ngọc D - sinh ngày 02/8/2009. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Chị H, anh T thống nhất cháu U, cháu D ở với chị H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H giữ nguyên yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2019, bị đơn là anh Lê Sỹ T trình bày:

Anh và chị Đặng Thị H kết hôn tháng 11 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 02 năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình thay đổi, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm mất dần đi, không còn yêu thương nhau. Cách đây khoảng 02 năm anh vào B làm việc, không còn chung sống với chị H,vợ chồng ly thân từ đó. Đến nay vợ chồng tình cảm không còn, chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh T hoàn toàn nhất trí với lời khai của chị H về con chung và anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con chung nên không có tranh chấp gì về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang làm công nhân tại B nên anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Tại phiên toà: anh T vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị H và anh T có đơn yêu cầu lựa chọn Toà án nhân dân huyện T giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị H nên Toà án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T kết hôn tháng 11 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình thay đổi, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cách đây khoảng 02 năm, anh T vào B làm việc, vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý và đề nghị được ly hôn với chị H. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại từ khoảng 2 năm trở lại đây, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có hai con chung là Lê Ngọc U - sinh ngày 11/7/2005 và Lê Ngọc D - sinh ngày 02/8/2009. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn anh T và chị H thống nhất để chị H nuôi hai con chung nên không có tranh chấp gì về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị H và anh T đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị H được ly hôn anh Lê Sỹ T.

2. Về án phí: chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002228 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Đặng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị O

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thiện **Nguyễn Quốc Sửu** **Đoàn Thị Oanh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Cao Xá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thiện **Nguyễn Quốc Sửu** **Đoàn Thị Oanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thiện **Nguyễn Quốc Sửu** **Đoàn Thị Oanh**